

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày: 24-02-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tùng.
2. Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2021/TLST-KDTM ngày 10/3/2021 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Tư vấn – Đầu tư và Xây dựng H.

Địa chỉ trụ sở: D, B, Cư xá B, Phường 1, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tổng Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ thường trú: Số 8, khu phố 1, phường hiệp B, thành phố T, Thành phố H.

Theo Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2021. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm S)

Địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5, đường Đ, phường T, thị xã B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức H, sinh năm 1984 – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Địa chỉ thường trú: Đội 6, xã K, huyện Y, tỉnh N.

Chỗ ở hiện tại: Số 4, đường quốc lộ 1, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 02/02/2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tổng Văn T trình bày:

Ngày 16/7/2020, Công ty TNHH Tư vấn – Đầu tư và Xây dựng H (gọi tắt là Công ty H) và Công ty TNHH S (Công ty Cổ phần bê tông ly tâm S) (gọi tắt là Công ty S) ký Hợp đồng kinh tế số 16-07/2020/HĐMB/SLT-HP, theo nội dung hợp đồng thì Công ty S cung cấp hàng hóa hồ ga nước mưa đúc sẵn theo yêu cầu của Công ty H, trị giá hợp đồng là 1.172.459.000 đồng; địa điểm giao hàng tại xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; thời gian giao hàng từ 7-10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng nhận tiền cọc; điều khoản thanh toán: Đợt 1 thanh toán 30% giá trị hợp đồng với số tiền 319.761.630 đồng, đợt 2 thanh toán số tiền còn lại theo giá trị từng đợt nghiệm thu. Để đảm bảo thực hiện hợp đồng, Công ty H đã chuyển khoản số tiền 319.761.630 đồng cho Công ty S theo Ủy nhiệm chi ngày 17/7/2020. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn giao mẫu đến công trình của nguyên đơn nhưng mẫu không đạt tiêu chuẩn, không đúng mẫu nên nguyên đơn đã trả ngay lại cho bị đơn, việc giao nhận, kiểm tra hàng các bên chỉ trao đổi miệng mà không lập văn bản. Sau đó, hai bên đã thống nhất hủy hợp đồng, bị đơn sẽ chuyển trả khoản tiền mà nguyên đơn đã chuyển vào tài khoản của bị đơn theo Ủy nhiệm chi ngày 17/7/2020 với số tiền 319.761.630 đồng. Việc hủy hợp đồng là do các bên thống nhất thỏa thuận miệng, không lập văn bản. Quá trình trao đổi liên quan đến việc hủy hợp đồng, các bên xác định chi phí của 30% giá trị hợp đồng là 258.183.790 đồng nên ngày 27/11/2020, nguyên đơn có Công văn số 2711/2020/CV-SLT nêu rõ chi phí để sản xuất ra hàng hóa chỉ khoảng 47.054.337 đồng (đây là hàng mà bị đơn chuyển tới công trình và nguyên đơn đã trả lại), số tiền 258.183.790 đồng hai bên đang thương lượng, do đó số tiền 319.761.630 đồng nguyên đơn chuyển dư 61.578.210 đồng nên yêu cầu bị đơn hoàn trả. Ngày 30/11/2020, bị đơn chuyển trả số tiền 61.578.210 đồng theo Lệnh thanh toán cho nguyên đơn. Để vấn đề giữa hai bên giải quyết nhanh nên ngày 07/12/2020, nguyên đơn có Công văn số 712/2020/CV-SLT đồng ý hỗ trợ số tiền 47.054.337 đồng và yêu cầu bị đơn chuyển hoàn lại số tiền 211.129.453 đồng. Tuy nhiên, đến nay bị đơn vẫn chưa hoàn trả.

Do đó, Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty S thanh toán số tiền còn lại là 258.183.790 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Tuy nhiên, sau khi xem xét lại toàn bộ hồ sơ, Công ty H đã có Công văn ngày 07/12/2020 gửi đến Công ty S về việc hỗ trợ số tiền 47.054.337 đồng đây là chi phí Công ty S đã sản xuất hàng bị lỗi. Nay Công ty H xin rút lại một phần yêu cầu

khởi kiện, rút lại yêu cầu buộc Công ty S trả số tiền 47.054.337 đồng, yêu cầu Công ty S hoàn trả lại số tiền 211.129.453 đồng.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp gồm:

- Đơn khởi kiện (bản chính);
- Giấy ủy quyền, CMND/CCCD;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ;
- Hợp đồng kinh tế;
- Thư gửi Công ty S (Công văn số 2711/2020/CV-SLT và Công văn số 712/2020/CV-SLT);
- Giấy đề nghị thanh toán, Lệnh thanh toán, ủy nhiệm chi;

Đối với bị đơn Công ty S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty S bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn Công ty S theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở Công ty S, địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật của Công ty S theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Công ty S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn Công ty H.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát có ý kiến cho rằng:

- Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 16/7/2020, Công ty TNHH Tư vấn – Đầu tư và Xây dựng H và Công ty TNHH S (Công ty Cổ phần bê tông ly tâm S) ký Hợp đồng kinh tế số 16-07/2020/HĐMB/SLT-HP, theo nội dung hợp đồng thì Công ty S cung cấp hàng

hóa hồ ga nước mưa đúc sẵn theo yêu cầu của Công ty H, Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán tiền liên quan đến hợp đồng đã ký nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần bê tông ly tâm S) có địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5, đường Đ, phường T, thị xã B, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở Công ty S, địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật của Công ty S theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn Công ty S vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về chứng cứ:

Tại Biên bản phiên họp tiếp cận, kiểm tra và công khai chứng cứ ngày 05/11/2021, nguyên đơn thống nhất chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập. Tòa án đã niêm yết Thông báo kết quả việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc hoặc yêu cầu thu thập thêm chứng cứ, cung cấp chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 16/7/2020, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng kinh tế số 16-07/2020/HĐMB/SLT-HP, việc ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên ràng buộc trách nhiệm pháp lý của các bên tham gia ký kết.

Nguyên đơn cho rằng các bên đã thống nhất hủy hợp đồng đã ký, hàng hóa khi bị đơn giao đến công trình bị lỗi nên nguyên đơn hoàn trả ngay tại công trình dẫn đến các bên không thực hiện việc ký giao nhận, không tiến hành giám định chất lượng hàng hóa, nên không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Nhận thấy, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn chưa đảm bảo nên Tòa án đã ra quyết định đối chất vào ngày 04/6/2021 và ngày 16/11/2021 giữa nguyên đơn và bị đơn để làm rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tổng đạt cho bị đơn theo hình thức niêm yết tại địa chỉ trụ sở bị đơn, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật theo Công văn số 398/ĐKKD ngày 13/4/2021 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, bị đơn không đến tham gia đối chất và tham gia tố tụng tại Tòa án mà không có lý, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ xem như bị đơn đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi

của mình và phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Xét thấy, nguyên đơn đã chuyển khoản số tiền 319.761.630 đồng cho bị đơn theo Ủy nhiệm chi ngày 17/7/2020 bên bị đơn có trách nhiệm giao hàng cho nguyên đơn theo đúng nội dung hợp đồng đã ký. Bị đơn đã hoàn trả số tiền 61.578.210 đồng theo Lệnh thanh toán lệnh có ngày 30/11/2020 cho nguyên đơn theo Công văn số 2711/2020/CV-SLT ngày 27/11/2020 mà nguyên đơn đã gửi cho bị đơn. Như vậy, chứng tỏ bị đơn có nhận số tiền 319.761.630 đồng, đã nhận và thống nhất nội dung Công văn số 2711/2020/CV-SLT ngày 27/11/2020. Bị đơn không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc đã giao hàng cho nguyên đơn. Do đó, bị đơn phải hoàn trả số tiền còn lại cho nguyên đơn.

Ngày 16/11/2021, nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 47.054.337 đồng, đây là số tiền nguyên đơn hỗ trợ bị đơn theo Công văn số 712/2020/CV-SLT ngày 07/12/2020. Việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cho thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền còn lại là 211.129.453 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu.

Bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 211.129.453 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 24 và Điều 319 Luật Thương mại;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố Tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Tư vấn – Đầu tư và Xây dựng H đối với bị đơn Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần bê tông ly tâm S) về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần bê tông ly tâm S) hoàn trả cho Công ty TNHH Tư vấn – Đầu tư và Xây dựng H số tiền 211.129.453 đồng (hai trăm mười một triệu một trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng)

Kể từ ngày Công ty TNHH Tư vấn – Đầu tư và Xây dựng H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần bê tông ly tâm S) không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần bê tông ly tâm S) còn phải thanh toán cho Công ty TNHH Tư vấn – Đầu tư và Xây dựng H số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Tư vấn – Đầu tư và Xây dựng H không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty TNHH Tư vấn – Đầu tư và Xây dựng H số tiền 6.454.595 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi lăm đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0054298 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

- Công ty TNHH S (nay là Công ty Cổ phần bê tông ly tâm S) phải chịu 10.556.472 đồng (mười triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm bảy mươi hai đồng)

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA thị xã Bến Cát;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lại Thị Ngọc Bích

